

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 35/2025/DS-ST
Ngày: 27 - 5 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng
tín dụng, vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Đại Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Bằng, bà Nguyễn Thị Tuyết Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Huỳnh Anh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bích Vân, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 729/2024/TLST-DS ngày 30 tháng 12 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng, vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2025/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 75/2024/QĐST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng N; địa chỉ: Số 194 Trần Quang Khải, phường L, Quận H, thành phố Hà Nội, có ông Phạm Quang Dũng, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị, đại diện theo pháp luật;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Tuấn A – Chức vụ: Phó trưởng phòng phụ trách Phòng Khách hàng bán lẻ - Ngân hàng N – Chi nhánh Kiên Giang (Giấy ủy quyền số 475/UQ-KGI ngày 11/4/2025). Địa chỉ: Số 89 đường 3 tháng 2, phường V1, thành phố R, tỉnh Kiên Giang, (vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Đặng Phước L, sinh năm: 1991, nơi cư trú: tổ 9, ấp Mỹ An, xã V, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Ngân hàng N (sau đây viết tắt là Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam) trình bày:

Giữa Ngân hàng N – Chi nhánh Kiên Giang (sau đây viết tắt là Ngân hàng) và ông Đặng Phước Linh có ký hợp đồng tín dụng như sau:

- Theo Hợp đồng tín dụng số: 0342/19/TD03/RG/VCUV ngày 18/4/2019 (viết tắt Hợp đồng 0342) Ông L có vay của Ngân hàng số tiền 65.000.000 đồng; thời hạn vay 60 tháng; mục đích vay tiêu dùng mua sắm trang thiết bị gia đình; lãi suất cho vay 11,5%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, không thể chấp tài sản đảm bảo. Ông L đã không thực hiện trả nợ nên hiện nay nợ đã chuyển sang quá hạn. Tạm tính đến ngày 10/5/2025 là 16.548.306 đồng (trong đó: Nợ gốc 12.340.000 đồng, lãi trong hạn 3.360.401 đồng, lãi phạt 847.905 đồng).

- Ngày 11/7/2018 Ông L mở thẻ tín dụng Quốc tế Master có hạn mức 20.000.000 đồng và có yêu cầu gia hạn thẻ ngày 20/7/2021; tạm tính đến ngày 10/5/2025 Ông L nợ thẻ tín dụng là 31.186.919 đồng (trong đó nợ gốc 17.578.845 đồng, nợ lãi 8.188.207 đồng, phí chậm trả 4.975.693 đồng, phí vượt hạn mức 244.174 đồng, phí thường niên 200.000 đồng).

Ông L đã không thực hiện trả nợ nên hiện nay nợ đã chuyển sang quá hạn. Ngân hàng có nhắc nhở nhiều lần nhưng Ông L vẫn không trả nợ.

Nay Ngân hàng yêu cầu Ông L trả nợ tính đến ngày 10/5/2025 tổng số tiền là 47.735.225 đồng trong đó khoản vay của hợp đồng tín dụng là 16.548.306 đồng (trong đó: nợ gốc 12.340.000 đồng, lãi trong hạn 3.360.401 đồng, lãi phạt 847.905 đồng) và khoản vay của thẻ tín dụng là 31.186.919 đồng (trong đó nợ gốc 17.578.845 đồng, nợ lãi 8.188.207 đồng, phí chậm trả 4.975.693 đồng, phí vượt hạn mức 244.174 đồng, phí thường niên 200.000 đồng) và yêu cầu tiếp tục tính lãi theo thỏa thuận cho đến khi thanh toán xong.

Tòa án không tiến hành mở phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được do Ông L vắng mặt.

Tại phiên tòa,

Ý kiến của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đương sự chấp hành đúng theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự nên đảm bảo được quyền, nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng

mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định tại điểm Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: hợp đồng tín dụng và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng được ký kết Ngân hàng và Ông L được xác lập trên cơ sở tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Do Ông L vi phạm nghĩa vụ trả nợ, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Ông L trả nợ gốc và lãi tính đến ngày 10/5/2025 là 47.735.225 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi theo thỏa thuận cho đến khi thanh toán xong là có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 100, 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024: chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo Quyết định chuyển vụ án số 25/2024/QĐ-CVA ngày 18/11/2024 của Tòa án nhân thành phố R, tỉnh Kiên Giang chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang với lý do bị đơn ông Đặng Phước Linh có địa chỉ tại ấp Mỹ An, xã V, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang. Qua kết quả xác minh ngày 27/3/2025 do Văn phòng ấp Mỹ An cung cấp xác định ông Đặng Phước Linh có đăng ký thường trú tại tổ 9, ấp Mỹ An, xã V, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về sự vắng mặt của đương sự:* người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Tuấn Anh vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn Ông L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho Ông L nhưng ông không tham gia suốt quá trình tố tụng, không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên được xem là đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ tố tụng của đương sự trong vụ án. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Về nội dung:

[3] Về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N:

Giữa Ngân hàng N – Chi nhánh Kiên Giang và ông Đặng Phước Linh có ký Đơn yêu cầu phát hành thẻ tín dụng, Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 11/7/2018, hạn mức 20.000.000 đồng và hợp đồng cho vay

từng lần trung dài hạn số 0342 ngày 18/4/2019, để vay của Ngân hàng số tiền 65.000.000 đồng. Vì vậy, có cơ sở xác định, Ông L có vay tiền của Ngân hàng thông qua thẻ tín dụng và hợp đồng tín dụng. Hợp đồng vay tài sản được thực hiện trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng không trái quy định pháp luật nên làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên. Sau khi ký hợp đồng, Ngân hàng đã thực hiện giải ngân đầy đủ vốn vay nhưng Ông L lại không trả vốn và lãi theo thỏa thuận nên đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay. Do đó, Ngân hàng khởi kiện để yêu cầu Ông L trả gốc và lãi của 02 khoản vay tính đến ngày 10/5/2025 với tổng số tiền 47.735.225 đồng trong đó khoản vay của hợp đồng tín dụng là 16.548.306 đồng (trong đó: Nợ gốc 12.340.000 đồng, lãi trong hạn 3.360.401 đồng, lãi phạt 847.905 đồng) và khoản vay của thẻ tín dụng là 31.186.919 đồng (trong đó nợ gốc 17.578.845 đồng, nợ lãi 8.188.207 đồng, phí chậm trả 4.975.693 đồng, phí vượt hạn mức 244.174 đồng, phí thường niên 200.000 đồng) là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 463, Điều 466 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 100, 103 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024.

Buộc Ông L có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 10/5/2025 là 47.735.225 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Đặng Phước Linh có trách nhiệm trả vốn và lãi cho Ngân hàng nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.387.000 đồng.

- Ngân hàng được chấp nhận yêu cầu kiện nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả tạm ứng án phí cho Ngân hàng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 100, Điều 103 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024; các Điều 147, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

Buộc Ông Đặng Phước Linh có trách nhiệm trả cho Ngân hàng N số tiền gốc và lãi tính đến ngày 10/5/2025 là 47.735.225 đồng, trong đó khoản vay của hợp đồng tín dụng là 16.548.306 đồng (trong đó: nợ gốc 12.340.000 đồng, lãi trong hạn 3.360.401 đồng, lãi phạt 847.905 đồng) và khoản vay của thẻ tín dụng là 31.186.919 đồng (trong đó nợ gốc 17.578.845 đồng, nợ lãi 8.188.207 đồng,

phí chậm trả 4.975.693 đồng, phí vượt hạn mức 244.174 đồng, phí thường niên 200.000 đồng).

Kể từ ngày 11/5/2025, bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Đặng Phước Linh phải chịu 2.387.000 (*hai triệu ba trăm tám mươi bảy nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho Ngân hàng số tiền 1.102.000 (*một triệu một trăm lẻ hai nghìn*) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai 0004484 ngày 10 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng và Ông L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát TPCĐ (1);
- Viện kiểm sát tỉnh An Giang (1);
- Tòa án tỉnh An Giang (1);
- Thi hành án DS TPCĐ (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Võ Đại Nam